

Bản án số: 05/2022/DS-ST

Ngày: 23-5-2022

V/v Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG THỦY – TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Phú.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Viết Tân và ông Hoàng Quốc Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Thọ - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thảo Hiền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 5 năm 2022, Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy, số 06 Đặng Tràm, phường Phú Bài, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 46/2021/TLST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2022/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần S. Địa chỉ: 266-268 N, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ liên hệ: Số 126 đường N, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D. Chức vụ: Tổng giám đốc. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lý Minh C. Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần S chi nhánh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Bảo Quốc V, sinh năm 1978; Chuyên viên quản lý nợ. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Quang T, sinh năm 1989; địa chỉ: Kiệt 503 đường NTT, phường TP, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/9/2021, bản tự khai, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S là ông Nguyễn Bảo Quốc V trình bày:

Ngày 20/4/2018, ông Nguyễn Quang T có ký với Ngân hàng TMCP S (S) hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Căn cứ thu nhập của ông T, Ngân hàng S đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng, với mục đích sinh hoạt tiêu dùng. Sau khi được cấp thẻ Tín dụng, ông T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 78.008.076 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ ông T đã thanh toán cho Ngân hàng S số tiền 63.924.039 đồng, sau đó không thanh toán nữa.

Sau nhiều lần Ngân hàng S làm việc và nhắc nhở để ông T thanh toán nhưng ông T vẫn không có thiện chí trả nợ, vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Ngày 01/10/2019 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ tín dụng và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Do ông T không thanh toán nên Ngân hàng TMCP S (S) khởi kiện ông T, yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Quang T phải thanh toán ngay cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 23/5/2022 là 53.682.923 đồng, trong đó nợ gốc 23.797.781 đồng và lãi quá hạn là 29.885.142 đồng theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng mà hai bên đã ký kết và tiếp tục trả các khoản lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký kết cho đến khi trả hết số tiền nợ trên. Đề nghị Tòa án buộc ông Nguyễn Quang T phải thanh toán toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Tại bản tự khai ngày 11/5/2022, về phía bị đơn là ông Nguyễn Quang T trình bày:

Ngày 20/4/2018, ông có ký với Ngân hàng TMCP S (S) hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Căn cứ thu nhập của ông, Ngân hàng S đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng, với mục đích sinh hoạt tiêu dùng. Sau khi được cấp thẻ Tín dụng, ông đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 78.008.076 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ ông T đã thanh toán cho Ngân hàng S số tiền 63.924.039 đồng, số tiền còn lại do điều kiện kinh tế khó khăn, dịch Covid 19 ảnh hưởng đến thu nhập của ông T nên ông chưa thanh toán được. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S (S) với ông T thì ông có ý kiến như sau: Ông đồng ý trả nợ số tiền gốc 23.797.781 đồng và số tiền lãi theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng mà ông đã ký kết với Ngân hàng S, tuy nhiên do hiện nay hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên ông chỉ có thể thanh toán cho Ngân hàng S mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi thanh toán toàn bộ số nợ nói trên.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập; Tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông Nguyễn Quang T không đến Tòa án làm việc. Tại phiên tòa thì các bên đương sự đã thống nhất được với nhau về khoản nợ gốc và nợ lãi, nghĩa vụ trả nợ, nhưng về phương thức trả nợ thì không thống nhất được với nhau. Các bên đương sự đều đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tòa án tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân phường TP, thị xã Hương Thủy thì được cung cấp thông tin như sau: Ông Nguyễn Quang T có nơi đăng ký HKTT ở Kiệt 503 đường NTT, Tổ 01, phường TP, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế và hiện nay vẫn đang sinh sống ở địa chỉ trên. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Ủy ban nhân dân phường TP đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Tại phiên tòa, người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tham gia phiên tòa nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật về tố tụng dân sự, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thị xã Hương Thủy có ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đều chấp hành đúng quy định của pháp

luật về tố tụng, còn bị đơn cố tình vắng mặt tại các buổi làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần là vi phạm quyền và nghĩa vụ của bị đơn. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng S đối với bị đơn là ông Nguyễn Quang T. Buộc ông Nguyễn Quang T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện ngày 20/4/2018, ông Nguyễn Quang T có ký với Ngân hàng TMCP S (S) hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, Ngân hàng S đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Nguyễn Quang T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 78.008.076 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, kể từ ngày kích hoạt thẻ đến ngày 01/10/2019 ông Nguyễn Quang T đã thanh toán cho Ngân hàng S số tiền 63.924.039 đồng, sau đó không thanh toán nữa. Sau nhiều lần làm việc, nhắc nhở việc trả nợ nhưng ông Nguyễn Quang T không có thiện chí trả nợ, vi phạm nghĩa vụ thanh toán tại Điều 2 bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần S nên đến ngày 01/10/2019 Ngân hàng S đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông Nguyễn Quang T và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Do nhiều lần yêu cầu nhưng ông Nguyễn Quang T không chịu thanh toán số tiền nợ, vi phạm về nghĩa vụ thanh toán. Phía Ngân hàng S nhiều lần yêu cầu ông Nguyễn Quang T phải thanh toán số tiền trên nhưng phía bị đơn vẫn không thực hiện nên phía nguyên đơn mới khởi kiện tại Tòa án yêu cầu buộc ông Nguyễn Quang T phải thanh toán ngay cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 23/5/2022 là 53.682.923 đồng, trong đó nợ gốc 23.797.781 đồng và lãi quá hạn là 29.885.142 đồng theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng mà hai bên đã ký kết và tiếp tục trả các khoản lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký kết cho đến khi trả hết số tiền nợ trên.

Xét thấy, Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng vào thẻ tín dụng của ông Nguyễn Quang T do ngân hàng phát hành, và ông Nguyễn Quang T đã ký vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng kèm theo điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng vào ngày 20/4/2018, tại phần cam kết của Giấy đề nghị ông Nguyễn Quang T đã xác nhận ông đã đọc và đồng ý bị ràng buộc bởi điều khoản và điều kiện của thẻ tín dụng, rằng buộc về mặt pháp lý giữa ông với ngân hàng đơn vị phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, ông chịu trách nhiệm đối với những nghĩa vụ và trách nhiệm phát sinh liên quan đến việc sử dụng thẻ tín dụng ông được cấp. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn Quang T đã thanh toán tiền nợ gốc và nợ lãi hàng tháng cho Ngân hàng, nhưng sau đó không trả tiền gốc và tiền lãi cho Ngân hàng nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông T vào ngày 30/9/2019 và số tiền gốc còn lại và lãi đã chuyển sang nợ quá hạn. Như vậy, ông Nguyễn Quang T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, vi phạm hợp đồng quy định tại mục 2, mục 26 của Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng kèm theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng đã ký kết với ngân hàng. Vì vậy, Ngân hàng S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Quang T phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ cho Ngân hàng là có cơ sở nên được chấp nhận. Về phía bị đơn là ông Nguyễn Quang T cũng thừa nhận có ký kết hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với Ngân hàng S và hiện nay còn chưa thanh toán số tiền nợ gốc và nợ lãi như ý kiến trình bày của Ngân hàng S. Tuy nhiên ông chỉ đồng ý thanh toán cho Ngân hàng S mỗi tháng 1.000.000 đồng cho

đến khi thanh toán toàn bộ số nợ nói trên. Phía Ngân hàng S không chấp nhận ý kiến và yêu cầu của ông Nguyễn Quang T.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng S, buộc bị đơn là ông Nguyễn Quang T phải chịu trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền nợ gốc 23.797.781 đồng, nợ lãi là 29.885.142 đồng, tổng cộng là 53.682.923 đồng ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Ý kiến và yêu cầu của ông Nguyễn Quang T tại phiên tòa là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

- Buộc bị đơn là ông Nguyễn Quang T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo loại có giá ngạch, tức là: $(53.682.923 \text{ đồng} \times 5\%) = 2.684.146 \text{ đồng}$.

- Trả lại cho nguyên đơn là Ngân hàng S số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 93, Điều 262, khoản 1 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ Luật Dân sự. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần S đối với bị đơn là ông Nguyễn Quang T.

- Buộc bị đơn là ông Nguyễn Quang T phải chịu trách nhiệm thanh toán số tiền số tiền nợ gốc 23.797.781 đồng, nợ lãi là 29.885.142 đồng. Tổng cộng là 53.682.923 đồng cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (là ngày 24/5/2022) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu thêm một khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận được quy định trong hợp đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 3, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

- Buộc bị đơn là ông Nguyễn Quang T phải chịu 2.684.146 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí là 1.054.000 đồng cho nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần S theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0001090 ngày 26/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Thủy.

3. Án xử sơ thẩm công khai, báo cho nguyên đơn, bị đơn biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Viết Tân

Hoàng Quốc Toàn

Mai Văn Phú

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TTHuế;
- VKSND tỉnh TTHuế;
- VKSND thị xã Hương Thủy;
- Chi cục thị xã Hương Thủy;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA;
- Lưu dán án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Văn Phú